TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2025
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Như Toản bà Phạm Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thuỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Chu Thị H, sinh năm 1997; nơi thường trú: thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1992; nơi cư trú: số nhà C, tổ F, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

Về tình cảm: chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, khó khăn về kinh tế nên chị H và anh Đức A thường xuyên cãi nhau, xô xát. Mặc dù hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A có 01 con chung là Nguyễn Huyền M, sinh ngày 07/3/2021. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết: giao con chung Nguyễn Huyền M cho anh Nguyễn Đức A trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huyền M 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung Nguyễn Huyền M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức A: tại bản tự khai ngày 28/11/2024, anh Nguyễn Đức A trình bày anh và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp như chị H đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau. Anh và chị H đã sống ly thân được gần 01 năm nay, nhưng anh Đức A không đồng ý ly hôn với chị H. Do anh Đức A không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về con chung, tài sản và khoản nợ chung. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/02/2025, anh Đức A giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân: không đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh Đức A thì về con chung anh Đức A đồng ý với quan điểm của chị H: anh Đức A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Huyền M; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huyền M 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh Đức A không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, bị đơn đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H: xử cho chị Chu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự giao con

chung Nguyễn Huyền M, sinh ngày 07/3/2021 cho anh Nguyễn Đức A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Nguyễn Huyền M thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huyền M 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung Nguyễn Huyền M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị H, anh Đức A không đề nghị giải quyết, nên không xét.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Trích lục kết hôn; Căn cước công dân (bản chứng thực); Giấy khai sinh (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Căn cước công dân (bản phô tô đã đối chiếu với bản chính).

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được (sau ngày Quyết định hoãn ngày 21/01/2025): về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, về nghĩa vụ cấp dưỡng, về tài sản chung và khoản nợ chung.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: về quan hệ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Đối với nguyên đơn chị Chu Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với việc tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Đức A thì Toà án đã tống đạt trực tiếp hoặc lập biên bản giao cho tổ trưởng và yêu cầu tổ trưởng cam kết giao lại tận tay ngay các văn bản tố tụng đó cho anh Nguyễn Đức A, bảo đảm quy định về thủ tục cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 17/02/2025, anh Đức A đã giao nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt trực tiếp tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Chu Thị H, các tài liệu chứng cứ do chị H cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A kết hôn với nhau ngày 26/01/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Đức A là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lời khai của chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A đều khẳng định: chị H và anh Đức A xảy ra mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh chị hiện đang sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Biên bản xác minh ngày 08/01/2025, tại tổ F, khu D, phường H, thành phố H thể hiện nội dung: chị H và anh Đức A mới chuyển về sinh sống tại tổ F, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh được vài tháng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, địa phương không nắm được. Hiện nay, chị H đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở tỉnh Lạng Sơn, còn anh Đức A vẫn sinh sống tại tổ F, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Như vậy, lời khai của chị H, anh Đức A phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản xác minh nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc anh Đức A tham gia buổi hòa giải tại Tòa án nhưng đã bỏ về và không ký vào Biên bản hòa giải thể hiện việc anh Đức A coi thường pháp luật và không có thiện chí muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh Đức A và chị H. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H: xử cho chị H ly hôn với anh Đức A.

Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị H và anh Đức A có 01 con chung là Nguyễn Huyền M, sinh ngày

07/3/2021. Chị H đề nghị Toà án giải quyết: giao con chung Nguyễn Huyền M cho anh Đức A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/02/2025 của anh Đức A, thì anh Đức A đồng ý với yêu cầu về con chung như nêu trên của chị H.

Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự:

"*1...*

2. Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị:

a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng...".

Do đó, thời điểm chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và về cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn: cần giao con chung Nguyễn Huyền M cho anh Đức A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huyền M 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị H, anh Đức A đều trình bày không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Chu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn.

Về án phí cấp dưỡng: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Nguyễn Đức A không có quan điểm về con chung; ngày 17/02/2025, anh Đức A gửi cho Tòa án Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày quan điểm về con chung (ngày Tòa án mở phiên tòa là ngày 21/01/2025, nhưng Quyết định hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt). Do đó căn cứ điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Chu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Chu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Huyền M, sinh ngày 07/03/2021 cho anh Nguyễn Đức A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Chu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huyền M 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung Nguyễn Huyền M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Chu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001192 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị Chu Thị H còn phải nộp số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An